

Số 548/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận trúng tuyển cao học đợt 2 năm 2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/09/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 224/TTg ngày 24/05/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Căn cứ Quyết định số 1142/QĐ-DHN ngày 15/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội về việc ban hành Quy định về tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ dược học;

Căn cứ vào Biên bản xét xác định điểm chuẩn trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh cao học đợt 2 năm 2016 ngày 31/8/2016;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển cao học đợt 2 năm 2016, hệ tập trung cho 103 thí sinh có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng Phòng Sau đại học, Tài chính kế toán và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục & Đào tạo (để b/c);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, SDH.



DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CAO HỌC DƯỢC ĐỢT 2 NĂM 2016
(Kèm theo Quyết định số 848/QĐ-DHN ngày 15/9/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Dược HN)

TT	Họ và tên thí sinh	GT	Ngày sinh	Nơi sinh	CN dự thi	Ghi chú
1	Đào Tú Anh	Nam	22/02/1993	Lào Cai	KNT&ĐC	
2	Trịnh Xuân Anh	Nam	10/8/1992	Thanh Hóa	TCQLD	
3	Nguyễn Thoại Bảo Anh	Nữ	26/12/1991	Cần Thơ	DL&DLS	
4	Nguyễn Hoàng Lan Anh	Nữ	14/5/1986	Quảng Trị	TCQLD	
5	Nguyễn Phương Anh	Nữ	11/7/1990	Thanh Hóa	DL&DLS	
6	Điều Huy Quân Anh	Nam	11/7/1990	Hà Nội	TCQLD	
7	Nguyễn Thị Việt Ái	Nữ	25/3/1985	Bắc Kạn	KNT&ĐC	
8	Lê Việt Ánh	Nữ	04/3/1989	Thanh Hóa	DL&DLS	
9	Đào Văn Bang	Nam	11/02/1984	Hà Nội	TCQLD	
10	Phạm Thị Huyền Chang	Nữ	28/11/1993	Thái Nguyên	DHCT	
11	Thái Khoa Bảo Châu	Nữ	11/10/1992	TT Huế	KNT&ĐC	
12	Nguyễn Quốc Công	Nam	03/7/1991	Bắc Ninh	CNDP&BCT	
13	Phạm Quốc Doanh	Nam	15/7/1987	Ninh Bình	DL&DLS	
14	Nguyễn Thị Dung	Nữ	04/7/1992	Hải Phòng	DHCT	
15	Hoàng Thị Duyên	Nữ	07/6/1986	Hưng Yên	DHCT	
16	Nguyễn Văn Dũng	Nam	26/12/1991	Bắc Giang	DL&DLS	
17	Hạc Minh Dũng	Nam	25/5/1988	Thái Nguyên	TCQLD	
18	Bùi Thành Dương	Nam	29/9/1981	Sơn La	CNDP&BCT	
19	Nguyễn Thị Hồng Giang	Nữ	04/7/1993	Vĩnh Phú	DL&DLS	
20	Chu Thị Hương Giang	Nữ	22/7/1986	Hà Nội	DHCT	
21	Phùng Thị Hương Giang	Nữ	26/5/1987	Vĩnh Phúc	DL&DLS	
22	Phạm Thu Hà	Nữ	11/6/1989	Nam Định	DL&DLS	
23	Nguyễn Thị Hồng Hà	Nữ	03/10/1974	Hải Phòng	TCQLD	
24	Lê Thị Thu Hà	Nữ	29/6/1978	Hòa Bình	DHCT	
25	Nguyễn Thị Nhị Hào	Nữ	26/02/1993	Quảng Ninh	DL&DLS	
26	Nguyễn Thị Hải	Nữ	10/01/1988	Thanh Hóa	DHCT	
27	Đỗ Văn Hải	Nam	10/10/1989	Hưng Yên	DHCT	
28	Đỗ Thị Diệu Hằng	Nữ	20/4/1989	TT Huế	DL&DLS	
29	Lê Minh Hằng	Nữ	02/9/1987	Vĩnh Phúc	DHCT	
30	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	01/11/1987	Nam Định	KNT&ĐC	
31	Phạm Thị Hằng	Nữ	28/9/1988	Thái Bình	DHCT	
32	Nguyễn Mai Hoa	Nữ	05/10/1987	Hà Nội	DL&DLS	
33	Trần Lê Hoa	Nữ	31/3/1988	Yên Bái	KNT&ĐC	
34	Nguyễn Thị Hoàn	Nữ	20/10/1987	Bắc Giang	DL&DLS	
35	Đặng Văn Hoảng	Nam	19/3/1989	Hưng Yên	DL&DLS	
36	Đỗ Thị Huệ	Nữ	28/10/1985	Hà Nội	DL&DLS	
37	Lưu Quang Huy	Nam	21/9/1990	Hải Phòng	DL&DLS	
38	Đặng Thị Thanh Huyền	Nữ	18/11/1987	Hà Nội	DL&DLS	
39	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	22/12/1989	Thanh Hóa	DL&DLS	
40	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	05/6/1987	Hòa Bình	KNT&ĐC	

TT	Họ và tên thí sinh		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	CN dự thi	Ghi chú
41	Phạm Thị Diệu	Huyền	Nữ	09/8/1985	Ninh Bình	DL&DLS	
42	Hoàng Sĩ	Hùng	Nam	02/3/1992	Quảng Bình	DHCT	
43	Trần Diễm	Hương	Nữ	07/01/1993	Hung Yên	CNDP&BCT	
44	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	08/12/1991	Bắc Ninh	DL&DLS	
45	Nguyễn Mai	Hương	Nữ	10/12/1991	Thái Bình	KNT&ĐC	
46	Nguyễn Thị Lan	Hương	Nữ	28/10/1989	Thái Nguyên	CNDP&BCT	
47	Vũ Ngọc	Khánh	Nam	20/02/1993	Bắc Ninh	KNT&ĐC	
48	Nguyễn Thị	Khuyên	Nữ	14/10/1992	Thái Bình	CNDP&BCT	
49	Mã Vân	Kiều	Nữ	14/7/1987	Bắc Cạn	KNT&ĐC	
50	Lê Thị Thái	Lan	Nữ	17/10/1990	Hà Nội	DL&DLS	
51	Nguyễn Thị	Lâm	Nữ	18/10/1987	Hung Yên	DHCT	
52	Nguyễn Thị Hồng	Lê	Nữ	28/11/1984	Hà Nam	DHCT	
53	Lê Thanh	Liêm	Nam	20/4/1982	Thái Nguyên	DL&DLS	
54	Lê Thị	Liên	Nữ	06/3/1992	Thanh Hóa	DL&DLS	
55	Nguyễn Văn	Linh	Nam	09/5/1990	Hung Yên	DL&DLS	
56	Lương Văn	Luân	Nam	01/4/1990	Hà Tĩnh	DL&DLS	
57	Lê Thị Tuyết	Mai	Nữ	16/11/1983	Hung Yên	TCQLD	
58	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	09/12/1988	Bắc Giang	KNT&ĐC	
59	Bùi Thị Thanh	Mai	Nữ	02/3/1985	Hà Nội	DL&DLS	
60	Ngô Thanh	Mai	Nữ	14/11/1987	Hà Bắc	DHCT	
61	Nguyễn Thành	Nam	Nam	07/01/1990	Hà Nội	KNT&ĐC	
62	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/12/1985	Hà Nội	DL&DLS	
63	Lê Thanh	Nghị	Nam	10/3/1986	Thái Nguyên	HS được	
64	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	05/5/1984	Thái Nguyên	CNDP&BCT	
65	Nguyễn Thị	Nhàn	Nữ	14/9/1985	Hải Dương	TCQLD	
66	Cao Thị Cẩm	Nhung	Nữ	28/8/1992	Quảng Bình	CNDP&BCT	
67	Trịnh Trang	Nhung	Nữ	05/6/1988	Nam Định	DL&DLS	
68	Phạm Hữu	Phong	Nam	20/4/1985	Hải Dương	CNDP&BCT	
69	Lữ Thị Mai	Phương	Nữ	08/8/1987	Thanh Hóa	DL&DLS	
70	Trần Ngọc Trúc	Phương	Nữ	01/01/1985	Trà Vinh	TCQLD	
71	Cao Hà	Phương	Nữ	29/4/1991	Thanh Hóa	TCQLD	
72	Dương Thị	Phương	Nữ	26/02/1986	Thái Nguyên	DL&DLS	
73	Phạm Thanh	Quang	Nam	19/7/1991	Nam Định	DL&DLS	
74	Phạm Văn	Quang	Nam	16/9/1988	Thanh Hóa	KNT&ĐC	
75	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	Nữ	23/9/1990	Hà Tĩnh	DL&DLS	
76	Vũ Thị	Quỳnh	Nữ	06/02/1992	Hải Phòng	CNDP&BCT	
77	Trần Thị	Rở	Nữ	23/10/1978	Vĩnh Long	DL&DLS	
78	Phạm Ánh	Sáng	Nam	02/8/1988	Quảng Bình	TCQLD	
79	Nguyễn Trường	Sơn	Nam	24/10/1990	Hà Nội	DL&DLS	
80	Nguyễn Đức	Tâm	Nam	20/8/1992	Thái Nguyên	TCQLD	
81	Lê Trọng	Tâm	Nam	02/7/1990	Thanh Hóa	DL&DLS	
82	Đồng Văn	Thành	Nam	30/5/1990	Sơn La	KNT&ĐC	
83	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	21/5/1988	Quảng Nam	TCQLD	
84	Bùi Thị	Thảo	Nữ	28/12/1990	Thái Bình	DL&DLS	
85	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	11/3/1991	Hà Tĩnh	DL&DLS	
86	Trương Quyết	Thắng	Nam	19/6/1976	Vĩnh Phúc	DL&DLS	
87	Lương Đức	Thịnh	Nam	11/11/1977	Thái Nguyên	DL&DLS	

Y
HỌC
HÀ NỘI

TT	Họ và tên thí sinh		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	CN dự thi	Ghi chú
88	Phạm Huy	Thông	Nam	13/10/1987	Đắk Lắk	DL&DLS	
89	Trần Thị	Thơm	Nữ	01/6/1981	Bắc Ninh	TCQLD	
90	Phạm Thị	Thúy	Nữ	19/5/1987	Bắc Ninh	DHCT	
91	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	07/11/1991	Hà Nội	DHCT	
92	Nguyễn Duy	Thực	Nam	16/9/1990	Bắc Giang	TCQLD	
93	Hồ Trọng	Toàn	Nam	26/7/1990	Nghệ An	DL&DLS	
94	Trịnh Thị	Trang	Nữ	27/5/1992	Thanh Hóa	DL&DLS	
95	Đoàn Thị	Trang	Nữ	13/11/1989	Hà Nội	KNT&ĐC	
96	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	15/12/1988	Hải Phòng	DL&DLS	
97	Trương Thị Hương	Trâm	Nữ	07/5/1987	Hà Tĩnh	DL&DLS	
98	Nguyễn Thị	Trâm	Nữ	05/9/1992	Hải Dương	DL&DLS	
99	Nguyễn Hữu	Trung	Nam	16/9/1990	Hà Tĩnh	DL&DLS	
100	Trần Thành	Trung	Nam	05/11/1986	Hà Nội	DL&DLS	
101	Nguyễn Thị	Tuyến	Nữ	24/10/1988	Bắc Giang	DL&DLS	
102	Hoàng Thị	Vân	Nữ	20/7/1991	Nghệ An	KNT&ĐC	
103	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	21/10/1989	TT Huế	DL&DLS	

(Danh sách gồm 103 thí sinh)

4/1

1
m